

Bản án số: **65** /2018/HS-ST
Ngày: 13/07/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Máng.

2. Ông Hồ Bá Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Đ tham gia phiên toà:
Ông Lê Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **64**/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **65**/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Đ**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1960 tại HD; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Số nhà 96, tổ 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hóa: 10/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức Đ (đã chết) và con bà: Vũ Thị B (đã chết); vợ: Lê Thị T - Sinh năm 1964; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1988; con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017 đến ngày 05/1/2018 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

1. Ông Nguyễn Minh K - Sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Thanh T, thành phố ĐBP, tỉnh Đ (*vắng mặt có lý do*).

2. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1966; địa chỉ: Trại giống nông nghiệp, bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Đ (*vắng mặt*).

3. Bà Lê Thị T - Sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 96, tổ 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 27/12/2017, Nguyễn Đức Đ đang ở nhà tại số nhà 96, tổ dân phố 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ thì có Nguyễn Minh K và Nguyễn Văn T đến hỏi mua heroine, K đưa cho Đ tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và T đưa cho Đ tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Đ cầm tiền cất vào túi ngực của áo khoác đang mặc, rồi lấy trong túi quần bên phải đang mặc đưa cho K và T mỗi người 01 gói heroine (T gói nhỏ hơn) đều được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng, sau đó K xin Đ cho sử dụng ma túy tại nhà, Đ đồng ý rồi lấy 01 mảnh giấy bạc, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 02 bật lửa ga (01 màu vàng, 01 màu đỏ) để xuống chiếu trước mặt K và T ngồi, K mở gói heroine vừa mua để xuống chiếu, sau đó T cho toàn bộ số heroine của K lên mảnh giấy bạc để hai người sử dụng bằng hình thức đốt hít. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, K và T vừa sử dụng hết số heroine của K thì Công an thành phố ĐBP, tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên người T 01 gói bột màu trắng, thu giữ trên người Đ 03 gói chất bột màu trắng, đều được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng và 320.000 đồng, cùng dụng cụ sử dụng ma túy.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức Đ khai: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 27/12/2017 Nguyễn Đức Đ gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 50 tuổi (không biết tên, địa chỉ) ở gần chợ P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ được 04 gói heroine đều được gói bằng nilon màu vàng với giá 800.000 đồng, sau đó bị cáo thuê người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) chạy xe ôm chở về Chợ trung tâm 3, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ, Đ trả tiền xe ôm hết 50.000 đồng rồi đi bộ về số nhà 96, tổ 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ. Về đến nhà bị cáo đi vào phòng ở của bị cáo, sau đó cất hai gói heroine vào trong túi bên trái áo khoác màu xanh treo ở mắc quần áo, hai gói heroine còn lại bị cáo mở ra và lấy dao lam có sẵn tại đó chia hai cục heroine ở trong hai túi ra thành 07 (bảy) phần trong đó có một phần to hơn. Bị cáo nhặt một mảnh giấy bạc màu vàng tại đó xé thành 07 mảnh và gói thành bảy phần heroine lại thành 07 (bảy) gói nhỏ heroine. Bị cáo cất hai gói heroine vào trong túi quần sooc bên trái treo trong tủ quần áo, bị cáo cất một gói heroine vào trong túi áo khoác phía trong bên trái đang mặc. Bị cáo cất một gói heroine vào trong túi quần bên trái đang mặc, ba gói heroine còn lại trong đó có một gói to hơn bị cáo cất trong túi quần bên phải đang mặc, mục đích mua heroine của bị cáo là để sử dụng và bán kiếm lời.

Tại bản kết luận giám định số 193/GĐ-PC54 ngày 03/1/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Đ và T đều là ma túy loại Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 (có tổng trọng lượng là 1,22 gam trong đó của Đ là 1,17 gam và của T là 0,05 gam). Sau khi giám định hoàn lại mẫu vật là 1,04 gam heroine.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSTPĐBP ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Đ truy tố Nguyễn Đức Đ về các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo: Từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo phải chịu từ 14 năm tù đến 15 năm tù.

Bị cáo là người nghiện, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 1,04 gam heroine là vật chứng còn lại của vụ án; 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc có vết cháy xám đen, 02 mảnh nilon màu vàng, 01 một đoạn ống nhựa màu xanh, 02 bật lửa ga (01 màu đỏ, 01 màu vàng), 01 chiếc dao lam không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Đối với số tiền 20.000 đồng và Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đức Đ không liên quan đến vụ án, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị T (là vợ của bị cáo, người được ủy quyền nhận hộ).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Đ không có lời bào chữa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ Phủ. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018; Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS 2015) đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên quy định hình phạt về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy tại khoản 2 Điều 251 và khoản 2 Điều 256 BLHS 2015 không nhẹ hơn quy định của Điểm b khoản 2 Điều 194 và Điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS 1999). Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự 1999 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Vào khoảng 11 giờ 20 phút ngày 27/12/2017, tại nhà mình ở số nhà 96, tổ 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ, Nguyễn Đức Đ đã có hành vi bán trái phép heroine cho 2 đối tượng Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn T thu được 300.000 đồng và cất giấu 1,22 gam heroine với ý thức chủ quan là để sử dụng cho bản thân và bán lại cho người khác kiếm lời. Sau khi bán ma túy Đ đã cho K và T sử dụng trái phép chất ma túy ngay tại nhà của mình.

Hành vi của bị cáo được thể hiện tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và Biên bản niêm phong vật chứng ngày 27/12/2017; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định ngày 27/12/2017; Kết luận giám định số 193/GĐ-PC54 ngày 03/1/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: Vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Đ là chất ma túy- loại Heroine, có tổng trọng lượng là 1,22 gam (trong đó của bị cáo Đ là 1,17 gam và của Nguyễn Văn T là 0,05 gam); lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh K, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị T. Các chứng cứ này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa.

Do đó, có đủ cơ sở xác định: Hành vi bán ma túy cho Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn T và cho hai đối tượng trên sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo là phạm vào các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm b, khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Đức Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”.

Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...b) Phạm tội nhiều lần”...

Điều 198 Bộ luật hình sự 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác

chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...d) Đối với nhiều người;

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; Vì vậy, khẳng định, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Đ truy tố bị cáo về các tội: Tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức Đ sinh ra và lớn lên tại xã TK, huyện GL, tỉnh HD, được bố mẹ nuôi ăn học đến hết lớp 10/10 phổ thông sau đó ở nhà phụ giúp gia đình, năm 1981 đi học tại T Cao đẳng kỹ thuật - Tổng cục phía nam tại tỉnh ĐN đến năm 1985 ra T về công tác tại Tỉnh đội L (nay là tỉnh Đ). Năm 1993 xây dựng gia đình với chị Lê Thị T và nghỉ chế độ, sinh sống cùng gia đình tại phường Sông Đà, thị xã M, tỉnh L (nay là tỉnh Đ) và có 02 người con chung. Năm 1993 cùng gia đình chuyển về tổ dân phố 15, phường M, thành phố ĐBP, tỉnh Đ. Năm 2012 bắt đầu sử dụng ma túy cho đến ngày bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức Đ là nguy hiểm cho xã hội. Với lượng ma túy mà bị cáo mua bán trái phép tuy không lớn, nhưng nếu được lưu hành trên thị T cũng sẽ mang lại những hậu quả rất xấu cho xã hội và việc bị cáo chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay, các cơ quan bảo vệ pháp luật đang tấn công và xử lý rất nghiêm khắc các loại tội phạm về ma túy, toàn thể cộng đồng đang đấu tranh mạnh mẽ để loại trừ tệ nạn về ma túy ra khỏi đời sống xã hội, nhằm bảo vệ hạnh phúc cho từng gia đình và mỗi con người. Song chỉ vì dục vọng cho việc sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật và dư luận xã hội, để thực hiện việc mua bán và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, việc truy tố, xét xử và áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài hình phạt chính lẽ ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ như biên bản xác minh

tài sản của cơ quan Điều tra và qua xét hỏi công khai bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn; vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tịch thu tiêu hủy 1,04 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án (đã trừ đi mẫu giám định); 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc có vết cháy xám đen, 02 mảnh nilon màu vàng, 01 một đoạn ống nhựa màu xanh, 02 bật lửa ga (01 màu đỏ, 01 màu vàng), 01 chiếc dao lam không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng gồm: 01 tờ polyme mệnh giá 200.000đ và 01 tờ polyme mệnh giá 100.000 đồng, do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

Lời khai của bị cáo cho thấy số tiền 20.000 đồng là tiền của bị cáo và Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đức Đ xét thấy không liên quan đến vụ án, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị T (vợ Bị cáo, người được ủy quyền nhận hộ) là phù hợp.

[6]. Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bán cho Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn T và bị thu giữ là mua của một người phụ nữ khoảng 50 tuổi, không biết họ tên, địa chỉ; cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được người này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý.

Đối với người đàn ông làm nghề xe ôm khoảng 40 tuổi đã chờ bị cáo từ khu vực P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ về chợ Trung Tâm 3, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ, bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu, cơ quan điều tra không có tài liệu chứng minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với chị Lê Thị T (là vợ của bị cáo Nguyễn Đức Đ) không biết việc bị cáo Đ sử dụng nhà ở do chị và bị cáo cùng sở hữu làm địa điểm để cho K và T sử dụng ma túy tại đó. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý; Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Hành vi tàng trữ trái phép 0,05 gam heroine của Nguyễn Văn T chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố ĐBP đã xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định của pháp luật.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn T Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố ĐBP, tỉnh Đ đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Xét việc xử phạt hành chính Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh K trên của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm các tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo: 07 (bảy) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo: 07 (bảy) năm tù về tội "*chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo phải chịu 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị tạm giữ (27/12/2017).

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu tiêu hủy 1,04 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án (đã trừ đi mẫu giám định); 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc có vết cháy xém đen, 02 mảnh nilon màu vàng, 01 một đoạn ống nhựa màu xanh, 02 bật lửa ga (01 màu đỏ, 01 màu vàng), 01 chiếc dao lam không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng gồm: 01 tờ polyme mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ polyme mệnh giá 100.000 đồng, do bị cáo phạm tội mà có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐBP, tỉnh Đ).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức Đ phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/7/2018); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Đ Phú;
- VKSND tỉnh Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- CA TP ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phú;
- Toà án ND tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Tố Loan